**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ A**
**TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 146 /2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2018
*V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1- Ông Hồ Xuân Dũng
2- Bà Nguyễn Thị Thảo
*Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1981( có mặt)
Nơi ĐKHK: Khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B.
Địa chỉ: 204 đường C, phường T, quận B,Thành phố H.

Bị Đơn: Anh Ngô Huy Đ, sinh năm 1981(có mặt)
Địa chỉ: 124 đường T, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:* Chị và anh Ngô Huy Đ tổ chức cưới hỏi tháng 6/2006, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng 03 năm, rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn do UBND xã Nhơn H cấp (nay là phường Nhơn H). Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng vài năm sau anh Đ thay đổi tính tình, ham mê cờ bạc, nợ nần, gia đình anh cũng cho tiền để trả nợ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường kình cãi nhau và có nhiều mâu thuẫn lặt vặt khác trong cuộc sống hàng ngày, có vài lần chị và anh Đ đánh với nhau, xô đẩy qua lại, không ai nhường nhịn ai.Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Gia đình cũng có hòa giải nhưng không thể hàn gắn với nhau

được, hiện chị không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Huy Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Ngô Thanh N1, sinh ngày 04/11/2007 và tên Ngô Thanh N2, sinh ngày 02/3/2016, hiện các con đang ở với chị. Ly hôn, yêu cầu được tiếp tục được nuôi các con chung, anh Đ cấp dưỡng cho chị nuôi hai người con với mức mỗi tháng mỗi người con 1.000.000đ( Một triệu đồng) hiện chị làm nhân viên kinh doanh của Công ty cổ phần dược phẩm INCON ở quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh và thời gian rảnh chị mua bán hàng rong, thu nhập hàng tháng 9.000.000đ( chín triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 20 tháng 3 năm 2018 các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Huy Đ trình bày:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị N về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, con chung . Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn do N không có lập trường, ăn nói thiếu tế nhị, trong quá trình sống luôn bất đồng quan điểm, thường lời qua tiếng lại, khi xảy ra xung đột thì không ai nhường nhịn ai, có vài lần đánh nhau. Quá buồn bực nên vào tháng 4/2017 anh không sống chung cùng vợ con mà thuê nơi ở khác và cũng thường về quê ở cùng cha mẹ. Trước đây anh cũng có ham chơi, có nợ tiền nhưng cha mẹ anh tự trả nợ thay không ảnh hưởng kinh tế vợ chồng, sau này anh đã hứa bỏ, hiện không có nợ tiền bài bạc gì cả mà vợ vô kế gây chuyện. Anh làm nghề kỷ sư cơ khí thu nhập bình quân một tháng 10.000.000.đ (Mười triệu đồng). Hiện anh không còn tình cảm với chị N nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu mỗi người nuôi 01 người con chung, anh nuôi cháu N1 còn Nhung nuôi cháu N2, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai, cháu N1 là bé gái ở với mẹ cũng tốt nhưng thực tế vợ chỉ mua bán hàng rong không có làm công ty nào cả nên khi nuôi cả hai người con chi N sẽ gặp khó khăn về kinh tế, mặt khác anh cũng lo lắng cho con gái vì sợ gặp những tình huống xấu và ảnh hưởng sức khỏe của con do Nhung thường đưa cháu N1 đến trường rất sớm. Theo anh thì nhà của cha mẹ anh ở gần trường học nên Tòa giao cho anh nuôi cháu N1 thì anh sẽ chuyển về làm gần nhà để chăm sóc con, và việc học hành cháu N1 sẽ tốt hơn khi ở với chi N. Nếu Tòa giải quyết giao cả hai người con cho vợ nuôi thì anh đồng ý mức cấp dưỡng như chi N yêu cầu mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ.

*Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Về việc giải quyết vụ án:* Áp dụng Điều 55,81 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Đ

Về con chung: Giao 02 người con cho chị Nhung nuôi dưỡng, anh Đạt cấp dưỡng cho hai người con chung mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

Về án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về mặt tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Chị N yêu cầu ly hôn với anh Ngô Tấn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung do đó quan hệ pháp luật là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết : Bị đơn anh Ngô Huy Đ đang cư trú tại phường N, thị xã A, tỉnh B nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh Đ có tổ chức cưới hỏi, tự nguyện đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đều xác định do bất đồng quan điểm sống, anh chị luôn xung đột và thường kình cãi, rồi lại đánh nhau không ai nhường nhịn ai, trước đây có lần anh Đ cũng tự làm đơn ly hôn, Tòa án cũng hòa giải nhưng anh chị không hàn gắn được. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình…"* và hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở vợ chồng thương yêu nhau nhưng anh chị không biết chia sẻ, thông cảm cho nhau những khó khăn trong cuộc sống, không ai chịu nhường nhịn nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc Căn cứ theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình *" …hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn ……thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn …"* Từ viện dẫn pháp luật với các chứng cứ phân tích như trên thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị N không thể hàn gắn được và cả anh chị đều xác định không còn tình cảm và cùng đồng ý ly hôn, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Ngô Huy Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] *Xét về yêu cầu nuôi con chung* : Vợ chồng có 02 người con chung hiện đang ở với chị N, tại phiên tòa, anh chị có tranh chấp về nuôi con chung.

Việc nuôi con là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt xem xét các điều kiện, bảo đảm việc học hành và các điều kiện về thể chất đủ cho việc sinh hoạt, và phát triển tốt về tinh thần các con. tại *Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định…. căn cứ quyền lợi mọi mặt của con mà quyết định giao con cho ai trực tiếp nuôi…. Nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con* " .Thời gian qua cháu N1 đã thích nghi với việc học hành cùng bạn bè ở trường và kết quả học

tập cũng đạt loại xuất sắc và ý kiến của cháu N1 cũng mong muốn được ở với mẹ, còn cháu N2 thì dưới 36 tháng tuổi, hiện chị N có đầy đủ sức khỏe, có việc làm, có thu nhập đảm bảo việc chăm sóc hai người con. Và anh Đ cũng thừa nhận cháu N1 là con gái ở với mẹ cũng tốt nhưng lo sợ về thu nhập của vợ và … , vấn đề này anh đã có nghĩa vụ cấp dưỡng thì sẽ đảm bảo về vật chất cho các con. Qua phân tích trên, HĐXX chấp nhận giao cả hai người con chung là tên Ngô Thanh N1, sinh ngày 04/11/2007 và tên Ngô Thanh N2, sinh ngày 02/3/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[2.2.2] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng, mỗi người con 1.000.000đ, anh Đ cũng xác định anh vẫn giữ yêu cầu tranh chấp nuôi các con nhưng nếu Tòa giải quyết giao cả hai người con chung cho vợ nuôi thì anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị N. qua xem xét mức thu nhập của anh Đ và mức chi phí sinh hoạt của các con ở thời điểm hiện nay HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N và ghi nhận việc cấp dưỡng của anh Đ cho hai người con chung là cháu Ngô Thanh N1 và tên Ngô Thanh N2 với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng cho mỗi người con là phù hợp được quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ*: Chị N và anh Đ xác định không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

2.4] *Về án phí:* Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì anh Đ và chị N phải chịu ½ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ( Ba trăm nghìn đồng) nên Tòa ghi nhận.

Theo Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì anh Đ chỉ phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đ( Ba trăm nghìn đồng).

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

*Vì các lẽ trên ;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 19, 55, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Ngô Huy Đ.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn:

2.1 Giao 02 người con tên Ngô Thanh N1, sinh ngày 04/11/2007( Giới tính Nữ) và tên Ngô Thanh N2, sinh ngày 02/3/2016( Giới tính Nam) cho chị Nguyễn Thị Cẩm N tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

2.2 Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Ngô Tấn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung Ngô Thanh N1 và Ngô Thanh N2, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng cho mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000.đ (Một triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 5/2018 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008564 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Ngô Huy Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

**5**.Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6**. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Ngô Huy Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hưng
- Chi cục THADS. TX An Nhơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Kiều Oanh**